

Số: 08/2019/QĐST - HNGĐ

Tam Đường, ngày 04 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Dương Thanh Bắc

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, về việc: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

+ Anh Chang A L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt)

+ Chị Hằng Thị D, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác: Không

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu ngày 09 tháng 9 năm 2019 của anh Chang A L và chị Hằng Thị D, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên họp người yêu cầu anh Chang A L và chị Hằng Thị D trình bày: Anh Chang A L và chị Hằng Thị D kết hôn ngày 22 tháng 3 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm anh L, chị D làm thủ tục đăng ký kết hôn khi đó Chang A L, sinh ngày 02/3/1995 chưa đủ tuổi kết hôn và có làm bản tự khai đăng ký kết hôn khai Chang A L sinh ngày 02/3/1993 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn, nên UBND xã đã làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho vợ chồng tôi Chang A L, sinh năm 1993, vợ là Hằng Thị D sinh năm 1994, vào sổ số 12/2013 quyển số 01/2012 ngày 22 tháng 3 năm 2013. Sau khi kết hôn anh L, chị D chung sống hạnh phúc cho đến tận bây giờ và không có bất kì

mâu thuẫn gì. Tuy nhiên hiện nay trong sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân, bằng tốt nghiệp trung học cơ sở của Chang A L ghi Chang A L sinh ngày 02/3/1995 không khớp với giấy chứng nhận kết hôn ghi Chang A L sinh năm 1993 và giấy khai sinh của các con Chang A H, Chang Thị Dung P đều ghi năm 1993. Và thực tế Chang A L sinh ngày 02/3/1995.

Nay nhận thấy việc kết hôn trước đây của anh L, chị D là vi phạm quy định về điều kiện kết hôn nên anh L, chị D đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật, đồng thời đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho anh L, chị D kể từ ngày anh L đủ tuổi kết hôn.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Chang A L và chị Hằng Thị D đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 29, Điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Chang A L và chị Hằng Thị D

- Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Chang A L và chị Hằng Thị D kể từ ngày 02/3/2015

- Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 12/2013 quyền số 01/2012 ngày 22 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã N

- Về con chung: Anh Chang A L và chị Hằng Thị D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản: Anh Chang A L và chị Hằng Thị D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về lệ phí: Anh Chang A L và chị Hằng Thị D là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình, người yêu cầu anh Chang A L và chị Hằng Thị D có hộ khẩu thường trú tại Bản C, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu, căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35,

điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc hôn nhân và gia đình đã thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu: Anh Chang A L và chị Hằng Thị D đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 3 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm anh L, chị D làm thủ tục đăng ký kết hôn khi đó anh Chang A L sinh ngày 02/3/1995, chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định (anh Chang A L mới 18 tuổi 20 ngày). Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh Chang A L và chị Hằng Thị D tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nay anh L, chị D yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Chang A L và chị Hằng Thị D kể từ thời điểm anh L đủ tuổi kết hôn: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu, anh Chang A L và chị Hằng Thị D đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (anh Chang A L đã đủ độ tuổi kết hôn kể từ ngày 02/3/2015), hơn nữa sau khi kết hôn anh Chang A L và chị Hằng Thị D chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và anh L, chị D đều yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh L đủ tuổi kết hôn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Anh L, chị D không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về chia tài sản: Anh L, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch quyết định của Tòa án về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Chang A L và chị Hằng Thị D theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Chang A L và chị Hằng Thị D là người dân tộc thiểu số gia đình thuộc xã đặc biệt khó khăn của huyện T, tỉnh Lai Châu, căn cứ Điều 12, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chang A L và chị Hằng Thị D được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Chang A L và chị Hằng Thị D

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Chang A L và chị Hằng Thị D

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 12/2013, quyển số 01/2012 ngày 22/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Chang A L và chị Hằng Thị D kể từ ngày 02/3/2015.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch quyết định của Tòa án về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Chang A L và chị Hằng Thị D theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Anh Chang A L và chị Hằng Thị D được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

4. Quyền kháng cáo: Anh Chang A L và chị Hằng Thị D có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã N;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thanh Bắc